

Số: /TB-UBND

Thanh An, ngày 29 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính và cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Thanh An năm 2023

Căn cứ Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực; Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài; Thông tư số 267/2016/TT-BTP ngày 14/11/2016 hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; quyết định số 3402/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp; Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Thanh An thông báo công khai mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính và công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã năm 2023 cụ thể như sau:

1. Mức thu phí, lệ phí thực hiện TTHC

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Thanh An thực hiện tiếp nhận và Trả kết

quả cho 34 lĩnh vực với 133 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã. Trong đó có 40 thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí.

(Mức thu phí, lệ phí cụ thể có bảng danh sách kèm theo)

2. Cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Thanh An.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã do UBND xã ban hành quyết định kiện toàn Kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An cử ra thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính năm 2023.

1. Ông: Nguyễn Huy Quang - Phó chủ tịch UBND xã;
2. Ông: Nguyễn Văn Tuyển - Công chức Văn phòng HĐND - UBND
3. Ông: Vũ Khắc Mỹ - Công chức Tư pháp - Hộ tịch
4. Ông: Ngô Văn Lập - HĐ Lao động thương binh xã hội
5. Ông: Vũ Ngọc Huy - HĐ Địa chính - Xây dựng
6. Bà: Nguyễn Thị Kiều Anh - Công chức Văn hoá TTTDTT

Trên đây là thông tin công khai mức thu phí, lệ phí thực hiện TTHC và cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Thanh An năm 2023, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện Thanh Hà trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND huyện Thanh H;
- Chủ tịch, phó Chủ tịch UBND xã;
- Các chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đắc Chiếm

Phụ lục I

**Danh sách công khai mức thu phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính
tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Thanh An năm 2023**

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày 29 tháng 03 năm 2023 của UBND xã Thanh An)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức thu phí, lệ phí	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Đăng ký khai sinh	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao	
2	Đăng ký kết hôn	Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.	
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Lệ phí: 10.000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.	
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Lệ phí: 15.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.	
5	Đăng ký khai tử	- Lệ phí: 5.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia	

		<p>đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục 	
6	Đăng ký khai sinh lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn, mức lệ phí: 5.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	
7	Đăng ký kết hôn lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí. 	
8	Đăng ký khai tử lưu động	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 5.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	
9	Đăng ký giám hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục 	
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục 	
11	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 10.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục. 	
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 10.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	
13	Đăng ký lại khai sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 5000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	

		- Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	- Lệ phí: 5000đồng/lần. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Phí cấp bản sao Giấy khai sinh(nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.	
15	Đăng ký lại kết hôn	25.000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
16	Đăng ký lại khai tử	- Lệ phí: 5000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký.	
17	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	- Khai sinh: 5.000 đồng. Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Đăng ký thường trú: 15.000 đồng/lần đăng ký thường trú nhưng không cấp sổ hộ khẩu tại các phường nội thành thuộc thành phố Hải Dương. 7.000 đồng/lần đăng ký đối với các khu vực còn lại. Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: Con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; con dưới 18 tuổi của thương binh; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.	
18	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	5.000 đồng. Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	
19	Liên thông thủ tục Đăng ký khai	Lệ phí đăng ký khai tử: : 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15	

	tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
20	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
21	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ,	Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	

	thôi việc		
22	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
23	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
24	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày	Lệ phí đăng ký khai tử: : 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng	

	12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
25	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
26	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
27	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng mai táng phí (đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần)	Phí : 5000 Đồng (Lệ phí đăng ký khai tử: 5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)	
28	Thủ tục liên thông Đăng ký khai	5.000 đồng/1 trường hợp (đăng ký khai tử sau 15 ngày); có nhu cầu cấp bản	

	tử - Xóa đăng ký thường trú - Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	sao: 8.000 đồng/1 trường hợp. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
II	Lĩnh vực chứng thực		
1	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Quy định riêng theo từng lĩnh vực chuyên ngành	
2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	
3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản)	
4	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, gồm các lĩnh vực sau: - Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ. - Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn. - Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp. - Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn. - Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn	

		<p>mới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn. - Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ. 	
5	Thủ tục chứng thực di chúc	50.000 đồng/di chúc.	
6	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	50.000 đồng/văn bản.	
7	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/văn bản	
8	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	50.000 đồng/văn bản	
9	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	<p>30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.</p> <p>Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, gồm các lĩnh vực sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ. - Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn. - Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp. - Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn. - Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. 	

		<ul style="list-style-type: none"> - Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn. - Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ. 	
10	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	<p>25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.</p> <p>Miễn lệ phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, gồm các lĩnh vực sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho vay các chi phí phát sinh phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp từ khâu sản xuất đến thu mua, chế biến và tiêu thụ. - Cho vay phục vụ sản xuất công nghiệp, thương mại và cung ứng các dịch vụ trên địa bàn nông thôn. - Cho vay để sản xuất giống trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, trồng rừng và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ quá trình sản xuất nông nghiệp. - Cho vay phát triển ngành nghề tại địa bàn nông thôn. - Cho vay phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới. - Cho vay các nhu cầu phục vụ đời sống của cư dân trên địa bàn nông thôn. - Cho vay theo các chương trình kinh tế liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ. 	
11	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản	
III	Nuôi con nuôi		
1	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	400.000 đ/trường hợp	